

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN
GIA, Đồng Khởi, P. Tân Hiệp. TP Biên Hòa, Đồng Nai

Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Về việc : Giải trình chênh lệch số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 3 Năm 2011 và cùng kỳ năm trước

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Chênh lệch 6=(4-5)	Nguyên nhân
			Năm 2011	Năm 2010		
1	2	3	4	5	6=(4-5)	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13	652.237.807.135	447.020.871.358	205.216.935.777	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	14	462.222.216	86.848.021		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	651.775.584.919	446.934.023.337	204.841.561.582	
4. Giá vốn hàng bán	11	16	622.415.129.127	422.573.042.649	199.842.086.478	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		29.360.455.792	24.360.980.688	4.999.475.104	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	36.797.549.568	6.590.396.608	30.207.152.960	Do thu nhập từ lợi nhuận được chia từ các công ty con tăng
7. Chi phí tài chính	22	18	26.973.458.991	15.388.970.187	11.584.488.804	Do chỉnh sách thất chặt tiền tệ, làm phát tăng cao, lãi suất di vay tại các tổ chức tín dụng tăng cao làm chi phí sử dụng vốn tăng. Đồng thời thị trường chứng khoán liên tục đi xuống do vậy các khoản trích lập dự phòng chứng khoán cũng làm tăng chi phí tài chính
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.103.870.518	9.185.380.808	3.918.489.710	Do chỉnh sách thất chặt tiền tệ, làm phát tăng cao, lãi suất di vay tại các tổ chức tín dụng tăng cao làm chi phí sử dụng vốn tăng
8. Chi phí bán hàng	24		3.607.552.375	3.534.470.467	73.081.908	Do điều chỉnh tiền lương cho CNV theo Nghị định số 108/2010/NĐ-CP (29/10/2010) và chi phí dịch vụ đầu vào tăng



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Chênh lệch	Nguyên nhân
			Năm 2011	Năm 2010		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.129.918.212	3.352.823.673	(222.905.461)	Do điều chỉnh tiền lương cho CNV theo Nghị định số 108/2010/NĐ-CP (29/10/2010) và chi phí dịch vụ đầu vào tăng
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		32.447.075.782	8.675.112.969	23.771.962.813	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên tương ứng
11. Thu nhập khác	31		5.489.069.401	2.214.708.456	3.274.360.945	
12. Chi phí khác	32		3.559.010.613	147.620.777	3.411.389.836	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.930.058.788	2.067.087.679	(137.028.891)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.377.134.570	10.742.200.648	23.634.933.922	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên tương ứng
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19		2.576.195.633	(2.576.195.633)	Do tổng lợi nhuận trước thuế 6 tháng đầu năm 2011 âm do vậy bù trừ vào Q2-2011 không phải nộp thuế TNDN
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60	20	34.377.134.570	8.166.005.015	26.211.129.555	Do một số nguyên nhân chủ yếu trên nên lợi nhuận sau thuế cũng tăng lên tương ứng
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Lập ngày 21 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

mm

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOAN

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

ld

Đỗ Thị Kim Dung

